TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2023/DS-PT
Ngày: 11- 4-2023
V/v "*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Vũ Thị Nguyệt

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Vân

Ông Nguyễn Thành Tâm

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Anh Thi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2023/TLPT- DS ngày 01 tháng 02 năm 2023 về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*".

Do bản án Dân sự sơ thẩm số 61/2022/DS-ST ngày 05 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện BL bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 44/2023/QĐ-PT ngày 01/3/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Bùi Văn N, sinh năm 1964; bà Đỗ Thị Minh Đ, sinh năm 1965; địa chỉ: Số MBB TNH, Phường H, thành phố BL, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Ông Đỗ Xuân Th, sinh năm 1958; địa chỉ: Thôn S, xã LA, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Uỷ ban nhân dân huyện BL; địa chỉ: Số H NTT, thị trấn LT, huyện B;, tỉnh Lâm Đồng.

- Bà Trịnh Thị T, sinh năm 1958; địa chỉ: Thôn S, xã LA, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng.

- Chị Đỗ Thị Huyền Tr, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn S, xã LA, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng.

- Anh Đỗ Mạnh H, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn S, xã LA, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng.

- Chị Đỗ Thị Thanh L, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn S, xã LA, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng.

Do có kháng cáo của bị đơn ông Đỗ Xuân Th.

(Ông N, bà Đ, ông Th có mặt tại phiên tòa; các đương sự còn lại vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 10/8/2020 cùng những lời trình bày của nguyên đơn thể hiện:

Vào năm 1999 vợ chồng ông N, bà Đ sinh sống ở huyện Đạ Tẻh thì được biết UBND huyện BL có chủ trương bán đất làm nhà ở nên vợ chồng ông N, bà Đ đăng ký mua và được UBND huyện BL bán 01 lô đất thuộc thửa 13, tờ bản đồ C2 khu quy hoạch dân cư ven Quốc lộ 20 xã LA, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi vợ chồng ông N bà Đ đóng tiền mua đất cho nhà nước thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 08/11/1999, số sổ P 761590, khi mua đất nhà nước có giao đất cho vợ chồng ông N, bà Đ tại thực địa. Do chưa có nhu cầu sử dụng nên vợ chồng ông N, bà Đ để đất trống một thời gian nhưng vợ chồng ông N, bà Đ thường xuyên kiểm tra. Sau này do cần tiền vợ chồng ông N, bà Đ có ý định chuyển nhượng thửa đất trên thì xảy ra tranh chấp với ông Th. Vợ Chồng ông N, bà Đ khẳng định hiện nay thửa đất trên vợ chồng ông chưa chuyển nhượng cho ai.

Do thửa đất trên vợ chồng ông N, bà Đ mua hợp pháp của nhà nước do vậy vợ chồng ông N, bà Đ đề nghị Tòa án nhân dân huyện BL công nhận diện tích đất 300m^2 thuộc thửa 13, tờ bản đồ C2 khu quy hoạch dân cư ven Quốc lộ 20 xã LA, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng cho vợ chồng ông N, bà Đ và yêu cầu ông Th phải tự tháo dỡ và di dời tài sản trên đất.

Ý kiến ông Th: Hiện nay vợ chồng ông N, bà Đ đề nghị Tòa án nhân dân huyện BL công nhận diện tích đất 300m^2 thuộc thửa 13, tờ bản đồ C2 khu quy hoạch dân cư ven Quốc lộ 20 xã LA, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng cho vợ chồng ông N, bà Đ. Ông Th không đồng ý và ông Th đề nghị Tòa án nhân dân huyện BL tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được UBND huyện BL cấp cho hộ ông bà Bùi Văn N vào ngày 08/11/1999, số sổ P 761590. Vì nguồn gốc diện tích đất 300m2 thuộc thửa 13, tờ bản đồ C2 khu quy hoạch dân cư ven Quốc lộ 20 xã LA, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng là do ông khai phá vào N 1985, thời gian này ông từ bộ đội chuyển ngành sang Nông trường chè. Trong thời gian công tác tại Nông trường chè, ông phát hiện 01 diện tích đất khoảng 400m^2 bỏ hoang, quỳ và cỏ mọc cùng dây thép gai nên ông xin phép Nông trường khai hoang để làm nhà ở, bán quán và được Nông trường đồng ý bằng văn bản xác nhận ngày 14/12/1987. Phần diện tích đất ông khai hoang chính là 300m^2 đất thuộc thửa 13, tờ bản đồ C2 khu quy hoạch dân cư ven Quốc lộ 20 xã LA, huyện BL hiện nay và một phần diện tích đất thuộc thửa 14, tờ bản đồ C2 khu quy hoạch dân cư ven Quốc lộ 20 xã LA, huyện BL.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện ông N, bà Đ yêu cầu ông Th trả lại 292,7m^2 đất thuộc một phần thửa 13, tờ bản đồ C2 khu quy hoạch dân cư ven Quốc lộ 20 xã LA, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng theo bản đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính ngày 18/4/2021 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện BL và buộc ông Th phải di dời tài sản trên đất.

Bị đơn trình bày bổ sung: Ông Th khẳng định hiện nay trên phần đất tranh chấp chỉ còn lại 02 cây bơ và 01 chòi mái lợp tôn khung và cửa bằng sắt chiều ngang 2,8 m x chiều dài 4,6 m còn lại các tài sản khác ông đã tự tháo dỡ. Đồng thời ông Th trình bày ông đã trên 60 tuổi nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí cho ông.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại bản án Dân sự sơ thẩm số 31/2022/DS-ST ngày 05 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn N và bà Đỗ Thị Minh Đ về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất" với ông Đỗ Xuân Th.

Công nhận 292,7m^2 đất thuộc một phần thửa 13, tờ bản đồ C2 khu quy hoạch dân cư ven Quốc lộ 20 xã LA, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng là của ông Bùi Văn N và bà Đỗ Thị Minh Đ. Buộc ông Đỗ Xuân Th phải giao lại cho ông N bà Đ 292,7m^2 đất thuộc một phần thửa 13, tờ bản đồ C2 khu quy hoạch dân cư ven Quốc lộ 20 xã LA, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng cho ông Bùi Văn N và bà Đỗ Thị Minh Đ quản lý sử dụng (phần đất ông Th có trách nhiệm giao cho ông N, bà Đ theo bản đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính ngày 18/4/2021 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện BL), có tứ cận một phía giáp đường đất, một phía giáp quốc lộ 20, một phía giáp thửa 12, một phía giáp thửa 14 tờ bản đồ C2 khu quy hoạch dân cư ven Quốc lộ 20 xã LA, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng.

Ông Th có trách nhiệm tự tháo dỡ và di dời tài sản trên đất được công nhận cho ông N, bà Đ gồm 02 cây bơ, 01 chòi mái lợp tôn, khung và cửa bằng sắt chiều ngang 2,8 m x chiều dài 4,6 m.

Ông Th không tự tháo dỡ và di dời tài sản trên thì ông N, bà Đ có quyền làm đơn yêu cầu Thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

Bác yêu cầu của ông Đỗ Xuân Th về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Bùi Văn N đối với thửa 13, tờ bản đồ C2 khu quy hoạch dân cư ven Quốc lộ 20 xã LA, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng được UBND huyện BL cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08/11/1999, số sổ P 761590.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các bên đương sự.

- Ngày 19/12/2022, ông Đỗ Xuân Th kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận yêu cầu của bị đơn về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay: Ông Th vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Ông N, bà Đ không đồng ý với kháng cáo của ông Th, đề nghị giải quyết như án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời nêu quan điểm đề nghị: không chấp nhận kháng cáo của ông Th. Căn cứ khoản 1, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn ông Bùi Văn N và bà Đỗ Thị Minh Đ có đơn khởi kiện yêu cầu công nhận diện tích đất thuộc thửa 13, tờ bản đồ C2, khu quy hoạch dân cư ven Quốc lộ 20, xã LA, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng là của ông N, bà Đ. Ông Đỗ Xuân Th không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số sổ P 7615900 ngày 8/11/1999 đã cấp cho nguyên đơn nên phát sinh tranh chấp. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp "*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"* là đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Đỗ Xuân Th thì thấy rằng:

Diện tích đất tranh chấp theo kết quả đo vẽ là 292,7m^2 thuộc thửa 13, tờ bản đồ C2, khu quy hoạch dân cư ven Quốc lộ 20, xã LA, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng. Trên diện tích đất tranh chấp hiện trạng còn lại 02 cây bơ, 01 chòi mái lợp tôn, khung và cửa bằng sắt, chiều ngang 2,8m x chiều dài 4,6m, còn lại các tài sản khác ông Th đã tự tháo dỡ.

Về nguồn gốc diện tích trên do nguyên đơn ông N, bà Đ mua của nhà nước và đã được Ủy ban nhân dân huyện BL cấp giấy chứng nhận quyền sử đất cho hộ ông Bùi Văn N ngày 08/11/1999, số sổ P761590.

Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: trước đây ông Th có nhận khoán 1.000m^2 đất của Nông trường chè 26/3. Năm 1997 nhà nước thu hồi đất để thực hiện khu quy hoạch dân cư ven Quốc lộ 20 và đã tiến hành bồi thường hỗ trợ cho các hộ dân. Diện tích đất hộ ông Th nhận khoán trước đây thuộc các thửa 456,173 tờ bản đồ số 30 xã LA được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty chè Lâm Đồng. Giữa hai thửa đất này có một phần nhỏ là đất trống, nông trường chè không quản lý và quá trình sử dụng diện tích đất khoán của nông trường chè thì ông Th sử dụng luôn phần đất trống này. Khi quy hoạch khu dân cư thì lô đất số 13 hiện nay các bên đang tranh chấp có một phần thuộc thửa 456 và một phần diện tích đất trống nêu trên. Năm 2014 ông Th khiếu nại yêu cầu bồi thường hỗ trợ diện tích 1.450m^2 của gia đình ông bị thu hồi và yêu cầu trả lại lô đất số 13, đồng thời yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện BL cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lô đất số 13 cho gia đình ông. Cơ quan

có thẩm quyền đã xác minh, đo đạc thì diện tích ông Th yêu cầu bồi thường là 1.131m^2 trong đó có 781m^2 đã được bồi thường và 293m^2 chưa được bồi thường. Do đó, ngày 12/9/2016 Ủy ban nhân dân huyên BL ban hành quyết định số 2061/QĐ-UBND về việc phê duyệt chi phí bồi thường cho hộ ông Th số tiền 110.417.000 đồng, gia đình ông Th đã nhận tiền bồi thường. Về chính sách thu hồi đất thì hộ ông Th cũng đã được giải quyết mua lô đất số 12. Đối với yêu cầu của ông Th đề nghị được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với lô đất số 13 thì không đủ điều kiện để giải quyết vì đã giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông N.

Ông Th cho rằng diện tích đất tranh chấp ông vẫn đóng thuế cho nhà nước từ năm 1994 đến năm 2010 và cung cấp chứng cứ là Thông báo số 49/CTT ngày 07/3/2011 của Chi cục thuế huyện BL có nội dung: Chi cục thuế xác nhận số tiền thuế đã nộp thuế của NNT tại sổ theo dõi thu nhập thuế của Chi cục thuế từ ngày 01/01/1994 đến ngày 31/12/2010 của ông Đỗ Xuân Th, số tiền thuế đã nộp là 259.200 đồng. Tuy nhiên, chứng cứ do ông Th cung cấp không thể hiện ông Th đóng thuế cho thửa đất nào. Tại văn bản số 6768/CCT-BPMC ngày 03/6/2022 của Chi cục Thuế khu vực Bảo Lộc – BL trả lời: *huyện BL hình thành năm 1994 trên cơ sở chia tách huyện Bảo Lộc, thời điểm đó chưa có quy hoạch khu dân cư ven Quốc lộ 20 xã LA nên Chi cục Thuế không thể xác định số lô thửa tờ bản đồ trong việc nộp thuế nhà đất từ ngày 28/5/1994 đến ngày 06/5/2010 của ông Đỗ Xuân Th*. Trong khi đó, bên cạnh lô đất tranh chấp, ông Th sử dụng lô số 12 và phía sau là hơn 7 sào đất, tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ông Th cũng xác nhận nội dung này. Vì vậy, không có căn cứ xác định ông Th nộp thuế cho lô đất số 13 từ năm 1994 đến năm 2010.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật. Tuy nhiên tại phần Quyết định của bản án sơ thẩm không tuyên kèm theo họa đồ là thiếu sót.

Như vậy, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sử dụng đất đối với thửa 13, tờ bản đồ C2, khu quy hoạch dân cư ven Quốc lộ 20, xã LA, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng cho hộ ông Bùi Văn N vào ngày 08/11/1999, số sổ P 761590 là đúng quy định và theo trình tự thủ tục của pháp luật nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bị đơn về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho nguyên đơn.

Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Th, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Ông Đỗ Xuân Th là người cao tuổi theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội nên miễn án phí cho ông Th.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Đỗ Xuân Th, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn N và bà Đỗ Thị Minh Đ về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất" với ông Đỗ Xuân Th.

Công nhận 292,7m^2 đất thuộc một phần thửa 13, tờ bản đồ C2 khu quy hoạch dân cư ven Quốc lộ 20 xã LA, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng là của ông Bùi Văn N và bà Đỗ Thị Minh Đ. Buộc ông Đỗ Xuân Th phải giao lại cho ông N bà Đ 292,7m^2 đất thuộc một phần thửa 13, tờ bản đồ C2, khu quy hoạch dân cư ven Quốc lộ 20, xã LA, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng cho ông Bùi Văn N và bà Đỗ Thị Minh Đ quản lý sử dụng (phần đất ông Th có trách nhiệm giao cho ông N, bà Đ theo bản đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính ngày 18/4/2021 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện BL) có tứ cận một phía giáp đường đất, một phía giáp quốc lộ 20, một phía giáp thửa 12, một phía giáp thửa 14 tờ bản đồ C2 khu quy hoạch dân cư ven Quốc lộ 20 xã LA, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng *(có họa đồ kèm theo)*.

Ông Th có trách nhiệm tự tháo dỡ và di dời tài sản trên đất được công nhận cho ông N, bà Đ gồm 02 cây bơ, 01 chòi mái lợp tôn, khung và cửa bằng sắt chiều ngang 2,8 m x chiều dài 4,6 m.

Ông Th không tự tháo dỡ và di dời tài sản trên thì ông N, bà Đ có quyền làm đơn yêu cầu Thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

Bác yêu cầu của ông Đỗ Xuân Th về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Bùi Văn N đối với thửa 13, tờ bản đồ C2 khu quy hoạch dân cư ven Quốc lộ 20 xã LA, huyện BL, tỉnh Lâm Đồng được UBND huyện BL cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 08/11/1999, số sổ P 761590.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Đỗ Xuân Th phải trả lại cho ông Bùi Văn N, bà Đỗ Thị Minh Đ số tiền 1.839.000đ chi phí đo vẽ, thẩm định tại chỗ.

3. Về án phí:

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm cho ông Đỗ Xuân Th.

Hoàn trả lại cho ông Bùi Văn N và bà Đỗ Thị Minh Đ 46.000.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019863 ngày 06 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BL, tỉnh Lâm Đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KTNV& THA;
- TAND huyện Bảo Lâm;
- Chi cục THADS huyện Bảo Lâm;
- Đương sự (04);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Vũ Thị Nguyệt